

**CÔNG TY TNHH FE EXPRESS VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH FE EXPRESS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FEVC

Tên công ty viết tắt: VIET NAM FE EXPRESS COMPANY LIMITED

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109227305

**3. Ngày thành lập:** 16/06/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 19 Khu Hòa Sơn, Thị Trấn Chúc Sơn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [fevexpress.vn@gmail.com](mailto:fevexpress.vn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5320(Chính) |
| 2.  | Bưu chính<br>Chi tiết: Dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5310        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu: - Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; | 5229        |
| 4.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5210        |
| 5.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5224        |
| 6.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8292        |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác<br>- Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)                                                                                     | 4931        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                                          | 4932 |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;<br>- Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác;<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: Xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh;<br>- Vận tải hàng nặng, vận tải container;<br>- Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải;<br>- Hoạt động chuyên chở đặc;<br>- Cho thuê xe tải có người lái; | 4933 |
| 10. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4911 |
| 11. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4912 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động điều hành bến xe<br>- Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ<br>- Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ<br>- Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                            | 5225 |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5221 |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hoạt động lai dắt, hoa tiêu, đưa tàu cập bến)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5222 |
| 15. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5021 |
| 16. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5022 |
| 17. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5011 |
| 18. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5012 |

|     |                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý thương mại<br>- Môi giới thương mại | 4610 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TIẾN ĐẠT | Khu tập thể Bao Bì, Phường Bàn Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                                 | 1.200.000.000         | 60,000    | 145633005                                                                                                                                         |         |
| 2   | TRẦN TUẤN ANH   | Căn hộ 514, tầng 5, nhà C8, khu tập thể Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 200.000.000           | 10,000    | 017093000070                                                                                                                                      |         |
| 3   | NGUYỄN BÁ ĐẠT   | Số nhà 43, tổ 5, Phường Tân Thịnh, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam                                  | 600.000.000           | 30,000    | 113575725                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/07/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 145633005

Ngày cấp: 07/06/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Hưng Yên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tập thể Bao Bì, Phường Bàn Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 2515 Khu chung cư Pandora, số 53 Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội